

Bản án số: 83/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hòa;

2. Bà Trương Thị Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 460/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 08 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà P.N.H.Q, sinh năm 1984, căn cước số 082184001148 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông L.P.S, sinh năm 1987, CCCD số 072087001403 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Nhà không số (kế bên nhà số 35/4) Đường U, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà P.N.H.Q trình bày:

Bà P.N.H.Q và ông L.P.S qua thời gian tìm hiểu được 06 tháng thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 đăng ký ngày 09/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Nhì Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian đầu, bà Q và ông L.P.S sống khá hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc sống về sau lại càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; ông S thường xuyên xúc phạm, đánh đập và đe dọa bà Q trước mặt hai con, làm cho các con sợ

hải và ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần và cuộc sống của bà Q. Cả hai đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Thực tế, trước đây bà Q đã cho vợ chồng cơ hội có cuộc sống hạnh phúc nhưng không cứu vãn được, bà từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng bà đã rút đơn ly hôn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên sau đó, cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện, tình trạng mâu thuẫn, căng thẳng kéo dài làm bà cảm thấy cuộc sống vô cùng ngột ngạt nên lần này bà yêu cầu ly hôn là đã suy nghĩ rất kỹ, vì bà không còn tình cảm vợ chồng gì với ông S. Về phía ông S, kể từ khi biết bà nộp đơn ly hôn và biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn này cho đến nay ông S liên tục chửi bới bà, không khắc phục những thiếu sót từ bản thân ông ấy, không nhận ra lỗi, không có biện pháp hàn gắn mà cố tình gây cho bà cuộc sống gia đình ngày càng ngột ngạt và không hạnh phúc. Bà rất mệt mỏi, không thể tiếp tục sống chung với ông S được nữa. Hiện vợ chồng đã ly thân được 01 năm mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng cả hai không còn quan tâm chia sẻ gì với ông S. Hiện nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên bà P.N.H.Q yêu cầu được ly hôn với ông Lê Phước S.

- Về con chung: Bà Phạm Nguyễn Hoàng Q và ông Lê Phước S có 02 (Hai) con chung là: trẻ Lê Phạm Quỳnh A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/01/2015 và trẻ Lê Hoàng P (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/4/2017. Sau khi ly hôn, bà Q đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung; không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà P.N.H.Q cam kết việc ly hôn của bà không nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý nào.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P.N.H.Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần triệu tập ông S đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng ông S không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà P.N.H.Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông L.P.S và ông S đang cư trú tại phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa Án.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì ông L.P.S đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông S phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[1.4] Nguyên đơn là bà P.N.H.Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án chỉ xem xét giải quyết khi đương sự có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P.N.H.Q và ông L.P.S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 54 đăng ký ngày 09/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh G (Nay là L, tỉnh T) có đủ cơ sở để xác định bà Q và ông S là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với ông L.P.S của bà P.N.H.Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L.P.S không nộp bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng gia đình, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với bà Q. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Q về nguyên nhân mâu thuẫn làm căn cứ để giải quyết vụ án. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Q trình bày trong phần nội dung vụ án có căn cứ để xác định mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông S đã đến mức trầm trọng, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông S không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông S cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà Q yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 19, Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của bà Q có cơ sở xác định: Trong quá trình sống chung bà P.N.H.Q và ông L.P.S có 02 (Hai) con chung, họ tên là: Lê Phạm Quỳnh A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/01/2015 và trẻ Lê Hoàng P (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/4/2017.

Bà Q yêu cầu về nuôi con chung như sau: Sau khi ly hôn, bà Q đề nghị cho bà Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện con chung đang sống với bà Q và ông S, bà Q đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, hai con chung đang sống cùng nhau và trẻ Anh và trẻ Phúc có nguyện vọng muốn sống với bà Q. Do đó, nhằm tạo điều kiện ổn định phát triển tâm lý và vật chất cho hai con chung, nên Hội đồng xét xử giao hai con chung là trẻ Lê Phạm Quỳnh A và trẻ Lê Hoàng P cho bà P.N.H.Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng: Bà P.N.H.Q tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Bà P.N.H.Q xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà P.N.H.Q xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà P.N.H.Q phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà P.N.H.Q và ông L.P.S có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 6; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa Án;

Căn cứ Khoản 20, 24 Điều 3; Điều 19; Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà P.N.H.Q:

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà P.N.H.Q và ông L.P.S (Giấy chứng nhận kết hôn số 54 đăng ký ngày 09/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh G (Nay là xã L, tỉnh T).

1.2. Về con chung: Bà P.N.H.Q và ông L.P.S có 02 (hai) con chung là trẻ Lê Phạm Quỳnh A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/01/2015 và trẻ Lê Hoàng P (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/4/2017. Giao con chung là trẻ Lê Phạm Quỳnh A và trẻ Lê Hoàng P cho bà P.N.H.Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L.P.S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L.P.S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Án phí sơ thẩm: Bà P.N.H.Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/25E số 0000116 ngày 24/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh), bà P.N.H.Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 6;
- Thi hành án Dân sự Tp HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu, hồ sơ (Nhưng).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Luyến